

PHỤ LỤC

Kinh phí Nghị quyết quy định một số nội dung khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số và chế độ chi hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số và trẻ em trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Diễn giải	Tổng kinh phí	Tổng kinh phí		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
				Thành phố	xã	Thành phố	xã	Thành phố	xã	Thành phố	xã	Thành phố	xã	Thành phố	xã
	Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2026 - 2030		290.776.870.000	281.668.420.000	9.108.450.000	30.865.260.000	1.821.690.000	61.538.460.000	1.821.690.000	62.919.120.000	1.821.690.000	62.108.520.000	1.821.690.000	64.237.060.000	1.821.690.000
I	Quy định nội dung khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ thực hiện tăng sinh, tiến đến đạt và duy trì mức sinh thay thế		266.590.000.000	266.590.000.000	-	29.000.000.000	-	58.000.000.000	-	59.500.000.000	-	58.900.000.000	-	61.190.000.000	-
1	Tập thể		5.590.000.000	5.590.000.000	-	-	-	-	-	1.500.000.000	-	900.000.000	-	3.190.000.000	-
1.1	Xã 03 năm liên tục duy trì đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 (hai) con trước 35 tuổi được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, kèm theo hỗ trợ bằng tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)	30.000.000d/xã	3.090.000.000	3.090.000.000	-					1.500.000.000		900.000.000		690.000.000	
1.2	Xã 05 năm liên tục duy trì đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 (hai) con trước 35 tuổi được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, kèm theo hỗ trợ bằng tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)	50.000.000d/xã	2.500.000.000	2.500.000.000	-									2.500.000.000	
2	Cá nhân		261.000.000.000	261.000.000.000	-	29.000.000.000	-	58.000.000.000	-	58.000.000.000	-	58.000.000.000	-	58.000.000.000	-
2.1	Phụ nữ sinh đủ 02 (hai) con trước 35 tuổi (sinh con lần đầu nếu sinh đôi trở lên hoặc sinh lần thứ hai) được hỗ trợ một lần bằng tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). (Toàn thành phố dự kiến mỗi năm có 29.000 trẻ sinh, dự kiến có 40% phụ nữ sinh đủ 02 con được hỗ trợ theo chính sách)	5.000.000d/phụ nữ x 11.600 phụ nữ/năm	261.000.000.000	261.000.000.000	-	29.000.000.000		58.000.000.000		58.000.000.000		58.000.000.000		58.000.000.000	
II	Quy định nội dung khuyến khích, khen thưởng về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh		4.338.360.000	4.338.360.000	-	1.003.860.000	-	1.003.860.000	-	884.520.000	-	723.060.000	-	723.060.000	-
1	Xã, phường đạt 100% ấp, khu vực đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong quy ước được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	7.020.000d/xã	723.060.000	723.060.000	-	280.800.000		280.800.000		161.460.000					
2	Cặp vợ chồng (trừ trường hợp đã có con riêng) sinh đủ 02 (hai) con một bé là gái nuôi con khỏe (trong đó đứa con thứ nhất học giỏi hoặc thành đạt, đứa con thứ hai sinh từ thời điểm Nghị quyết có hiệu lực) được đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	3.510.000d/bằng khen x 206 bằng khen/năm	3.615.300.000	3.615.300.000	-	723.060.000		723.060.000		723.060.000		723.060.000		723.060.000	
III	Quy định nội dung khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ nâng cao chất lượng dân số		10.740.060.000	10.740.060.000	-	861.400.000	-	2.534.600.000	-	2.534.600.000	-	2.485.460.000	-	2.324.000.000	-
1	Tập thể		723.060.000	723.060.000	-	140.400.000	-	210.600.000	-	210.600.000	-	161.460.000	-	-	-
1.1	Xã, phường đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ được đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	7.020.000d/xã	723.060.000	723.060.000	-	140.400.000		210.600.000		210.600.000		161.460.000			
2	Cá nhân		10.017.000.000	10.017.000.000	-	721.000.000	-	2.324.000.000	-	2.324.000.000	-	2.324.000.000	-	2.324.000.000	-
2.1	Phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn được hỗ trợ chi phí thực hiện sàng lọc trước sinh (Down, Edward, Patau, Thalassemia) theo giá dịch vụ y tế công lập hiện hành. Toàn thành phố dự kiến mỗi năm có 4.000 phụ nữ mang thai theo nội dung trên, dự kiến có 50% phụ nữ mang thai được hỗ trợ theo chính sách	672.000d/thai phụ x 2.000 thai phụ	6.048.000.000	6.048.000.000	-	672.000.000		1.344.000.000		1.344.000.000		1.344.000.000		1.344.000.000	

TT	Nội dung	Diễn giải	Tổng kinh phí	Tổng kinh phí		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
				Thành phố	xã	Thành phố	xã	Thành phố	xã	Thành phố	xã	Thành phố	xã	Thành phố	xã
2.2	Trẻ sơ sinh hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn được hỗ trợ chi phí thực hiện sàng lọc sơ sinh (Thiếu men G6PD, Suy giáp bẩm sinh, Tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh, Đứt bẩm sinh, Tim bẩm sinh) theo giá dịch vụ y tế công lập hiện hành. Toàn thành phố dự kiến mỗi năm có 4.000 phụ nữ mang thai sinh con, dự kiến có 50% trẻ sinh được hỗ trợ theo chính sách	490.000d/trẻ x 2.000 trẻ/năm	3.969.000.000	3.969.000.000	-	49.000.000		980.000.000		980.000.000		980.000.000		980.000.000	
IV	Quy định nội dung khen thưởng đối với cộng tác viên dân số và trẻ em		9.108.450.000	-	9.108.450.000	-	1.821.690.000	-	1.821.690.000	-	1.821.690.000	-	1.821.690.000	-	1.821.690.000
2	Cộng tác viên dân số và trẻ em thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia thực hiện tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, vận động người cao tuổi tham gia khám sức khỏe định kỳ được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường. Dự kiến mỗi năm có 50% cộng tác viên được khen thưởng	702.000d/người x 2.595 người/năm	9.108.450.000	-	9.108.450.000		1.821.690.000		1.821.690.000		1.821.690.000		1.821.690.000		1.821.690.000